TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 02 - 2018.
Về việc tranh chấp: Không công nhận vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hạnh;
2. Ông Nguyễn Giáo Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *"Không công nhận vợ chồng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX- ST ngày 19 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh V – sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị D – sinh năm: 1985; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 L, B, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: ông N – Giám đốc Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ. Ông N ủy quyền cho ông T – Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018) - Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh V và bị đơn chị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau.

Nay, anh V nhận thấy tình cảm đã hết, không thể nào chung sống hạnh phúc với chị D được nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Chị D thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con tên A – sinh ngày 20/10/2007 và H – sinh ngày 21/3/2013. Hai bên thống nhất giao các con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ: Chị D, anh V thống nhất nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền vốn 30.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử là: 1. 257.500đ, thống nhất chia 2 số nợ này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ trình bày:*

Vào ngày 23/8/2017, Chị D, anh V có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích để mua ngư lưới cụ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế gia đình. Nay, mặc dù chưa hết hạn trả nợ nhưng vì anh V có đơn yêu cầu không công nhận anh và chị D là vợ chồng nên đề nghị Tòa buộc chị D, anh V trả cho Ngân hàng số tiền vốn 30.000.000đ, lãi đến ngày xét xử: 1.257.500đ *(Một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).* Tổng cộng: 31.257.500đ *(Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).*Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V: Không công nhận chị D, anh V là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao chị D tiếp tục nuôi các con chung, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận trả nợ của các đương sự. Anh V, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị D chung sống trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét thấy: Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định. Việc kết hôn không đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Chị D và anh V sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn, đã vi phạm việc đăng ký kết hôn tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên chị D và anh V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 14 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu của anh V: Không công nhận anh V và chị D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là A – sinh ngày 20/10/2007 và H – sinh ngày 21/3/2013. Xét thấy chị D và anh V thống nhất giao chị D tiếp tục nuôi các con chung; cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị D. Do đó, để các cháu A, H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự: Giao các con chung tên A và H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D làm nghề buôn bán, đủ khả năng nuôi con, chị D không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4] Về nợ: Các đương sự thống nhất chị D, anh V nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền vốn 30.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử là: 1.257.500đ; thống nhất chị D, anh V mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số nợ này. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái phát luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận: Anh V, chị D, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền vốn: 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử 628.750đ *(Sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm muôi đồng)*. Tổng cộng: 15.628.750đ *(Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).*

[5] Về án phí DSST: Nguyên đơn anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không công nhận vợ chồng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng);* án phí về nợ chung: 390.718đ *(Ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười tám đồng)*. Tổng cộng: 690.718đ, quy tròn số 690.000đ *(Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).*

Chị D phải chịu án phí về nợ chung: 390.718đ, quy tròn số 390.000đ *(Ba trăm chín mươi nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27

Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh V và chị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao 02 con chung A – sinh ngày 20/10/2007 và H – sinh ngày 21/3/2013 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Anh V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền vốn: 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 08/02/2018): 628.750đ *(Sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm muôi đồng)*. Tổng cộng: 15.628.750đ *(Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).*

+ Chị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ số tiền vốn: 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 08/02/2018): 628.750đ *(Sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm muôi đồng)*. Tổng cộng: 15.628.750đ *(Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Hợp đồng vay giữa anh V, chị D và hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 690.000đ *(Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).* Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp tại phiếu thu số AA/2015/0004062 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, anh V còn phải nộp: 390.000đ *(Ba trăm chín mươi nghìn đồng).*

+ Chị D phải chịu án phí về nợ chung: 390.000đ *(Ba trăm chín mươi nghìn đồng).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ